

Bản án số: 40/2025/HC-ST

Ngày 19 - 9 - 2025

V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Hoir

Ông Hoàng Anh Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 và 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 43/2024/TLST-HC ngày 11 tháng 10 năm 2024 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HC ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

Bà Khuru Hồng Ú. Sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm C, xã N, tỉnh Cà Mau.

(địa chỉ cũ Khóm C, thị trấn U, huyện U, tỉnh Cà Mau).

- Người bị kiện:

1/ Ủy ban nhân dân huyện U.

2/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ủy ban và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau.

Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Phạm Thanh P là người đại diện theo pháp luật của người bị kiện (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã N), (xin vắng).

Người đại diện hợp pháp của Chủ tịch ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Cà Mau: Ông Lý Thanh V – Chức vụ: Phó phòng Kinh tế xã N, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền ngày 08/9/2025), (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân xã N: Ông Trần Thanh T - Chức vụ: Trưởng phòng, Phòng Kinh tế xã K, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Phạm Văn M. Sinh năm: 1965 (có mặt).

2/ Ông Hồng Quang T1. Sinh năm: 1953 (vắng).

3/ Bà Hồng Thị T2. Sinh năm: 1975 (vắng).

4/ Chi nhánh Văn phòng Đ (vắng).

(tên cũ là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ).

Cùng địa chỉ: Khóm C, xã N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, bà Khuru Hồng Ú trình bày:

Vào năm 1996, bà Ú được nhà nước giao đất có thu tiền trong khu quy hoạch diện tích 100m (ngang 05m x 20m dài) thuộc lô đất 2. Năm 1998, bà Ú quản lý thêm phần đất giáp ranh, thời điểm này là cái ao nên bà san lấp để nuôi heo; đến khoảng năm 2013 ông Hồng Quang T1 cặm trụ đá để xác định ranh giới và bơm cát phần đất của ông T1.

Năm 2017, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện U cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Giấy chứng nhận) cho ông Hồng Quang T1 trong đó có phần đất bà Ú đang quản lý chiều ngang khoảng 2,5m và chiều dài khoảng 20m.

Không đồng ý việc cấp quyền sử dụng đất cho ông T1 có phần đất của bà Ú, nên bà Ú khiếu nại và được trả lời bằng Công văn số 233 có nội dung: Thống nhất theo nội dung Báo cáo số 01/BC-TTC784 ngày 05/01/2024 của Tổ công tác 784 về kết quả kiểm tra tình hình sử dụng đất của ông Hồng Quang T1 theo đơn kiến nghị của bà Khuru Hồng Ú (viết tắt là Báo cáo số 01), đó là bà Ú giao trả đất cho ông T1.

Bà Ú khởi kiện, yêu cầu hủy:

- Hủy Công văn số: 233/UBND-NC ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U (viết tắt là Công văn số 233).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK 175311, ngày 20/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho ông Hồng Quang T1.

Căn cứ và lý yêu cầu hủy:

(1) Báo cáo số 01 cho rằng cấp đất cho ông T1 năm 2003 đến năm 2017 cấp điều chỉnh lại là không đúng, vì vị trí cấp lại năm 2017 khác với vị trí đã cấp năm 2003.

(2) Ông T1 cặm trụ đá và tole tiếp rô để xác định ranh, hiện trạng vẫn còn. Nhưng Báo cáo số 01 cho rằng bà Ú cặm trụ đá là không đúng.

(3) Báo cáo có nội dung: Năm 1981, ông T1 về huyện tiếp tục khai phá đất và ở ổn định cho đến nay. Như vậy, là không đúng sự thật, bởi vì năm 2012 ông T1 đã có đơn yêu cầu gửi Ban Thường vụ giải quyết thêm 1.000m² đất để xây dựng nhà mồ. Ban Thường vụ không thống nhất. Mặt khác, năm 2003 ông T1 được cấp hơn 8000m², sau đó bị thu hồi, năm 2017 được cấp lại 2.147,7m², phần đất bị thu hồi thì nhà nước san lấp, nhưng ông T1 vẫn khởi kiện đến năm 2023 mới có quyết định giải

quyết lần hai của UBND tỉnh; như vậy, việc giải quyết tranh chấp đất của ông Hồng Quang T1 kéo dài từ năm 2000 đến năm 2023 chứ không phải ông T1 sử dụng ổn định như Báo cáo nêu.

(4) Báo cáo cho rằng bà Ú sử dụng năm 1998 cho đến nay nhưng không có giấy tờ của cơ quan có thẩm quyền. Bà Ú cho rằng đây là đất quy hoạch khu dân cư, bà sử dụng chờ kết quả giải quyết tranh chấp đất đai của ông Hồng Quang T1 trong khu quy hoạch. Nếu khu quy hoạch dân cư bị phá vỡ thì bà Ú là người được xem xét giao đất có thu tiền theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 138 Luật đất đai năm 2024).

(5) Cấp Giấy chứng nhận cho ông Hồng Quang T1 đã vi phạm quy định tại Điều 53 Luật đất đai năm 2013; Điều 53 quy định: *“Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật đối với trường hợp phải giải phóng mặt bằng”*.

Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện cung cấp tài liệu; người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Đối với phần đất ông Hồng Quang T1 được cấp là phần đất tiếp giáp phương án giao đất có thu tiền sử dụng đất. Vào khoảng năm 2011, ông Trịnh Thanh T3 được giao đất có thu tiền sử dụng đất (đất của ông T3 đã có tọa độ và thửa được giao). Sau đó, ông Trần B cho bà Khuru Hồng Ú. Phần đất này có tọa độ và thửa nên không cần ký hộ giáp ranh. Đối với khu vực huyện U đã có bản đồ chính quy (Bản đồ 299, 2002, 2012, 2021) thì thực hiện trích lục thửa đất để cấp Giấy chứng nhận cho ông T1, cho nên không cần hộ giáp ranh ký (theo quy định tại khoản 3 Điều 77 của Nghị định số 43).

Công văn số 233 giải quyết đúng trình tự; quy trình cấp Giấy chứng nhận cho ông Hồng Quang T1 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp quy định của pháp luật. Vì vậy, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Hồng Ú.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồng Quang T1 trình bày:

Năm 1980, ông về công tác tại huyện U thì nhà nước cấp cho ông phần đất, năm 2012 nhà nước thu hồi để làm dự án. Sau khi thu hồi thì ông yêu cầu giải quyết nhiều lần, đến năm 2017 thì nhà nước cấp lại cho ông phần đất diện tích 2.147,7m². Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có phần đất bà Khuru Hồng Ú quản lý với chiều ngang khoảng 3m, chiều dài khoảng 26m. Phần đất này bà Ú quản lý, ông T1 không quản lý, nhưng ông được UBND huyện U đến đâu thì là đất của ông chứ ông không có tranh chấp với bà Ú. Bà Ú khởi kiện, nếu UBND trả đất cho bà Ú thì nhà nước phải cấp phần đất khác đảm bảo đủ diện tích cho ông.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn M, bà Hồng Thị T2, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng không có ý kiến, không có văn bản phản hồi. Tòa án triệu tập hợp lệ ông T1, bà T2 tham dự phiên tòa, nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Người khởi kiện, bà Khuru Hồng Ú trình bày: Yêu cầu hủy Công văn số 233 và hủy một phần Giấy chứng nhận cấp cho ông Hồng Quang T1 liên quan đến diện tích đất tranh chấp; bà Ú đồng ý diện tích đất liên quan đến tranh chấp là 49,1m², phần đất này bà quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay, giữa bà với ông T1 không tranh chấp, phần đất này nằm ngoài khuôn viên đất của ông T1, vì thực tế ông T1 đã xây dựng hàng rào.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Không đồng ý với yêu cầu của bà Ú, bởi vì trước đây nhà nước đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T1, tuy là năm 2012 hủy Giấy chứng nhận, nhưng năm 2017 cấp lại cho ông T1, cho nên về thủ tục không nhất thiết phải ký giáp ranh, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận cho ông T1 diện tích 2.147,7m² trong đó có 49,1m² bà Ú đang quản lý.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Phạm Văn M trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Ú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Hồng Ú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và đương sự về việc giải quyết vụ án, nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ khoản 1 và điểm b, d khoản 2 Điều 157 của Luật tố tụng hành chính xét xử vắng mặt đối với những người tham gia tố tụng vắng: UBND xã N; Chủ tịch UBND xã N, tỉnh Cà Mau; ông Hồng Quang T1; bà Hồng Thị T2.

[2] Về quan hệ pháp luật: Người khởi kiện khiếu kiện yêu cầu hủy Văn bản hành chính của UBND huyện và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; do đó, quan hệ pháp luật “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện

Bà Khuru Hồng Ú khởi kiện yêu cầu hủy Công văn số 233/UBND-NC ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK 175311, ngày 20/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho ông Hồng Quang T1. Là quyết định hành chính, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau; thời hiệu khởi kiện 01 năm kể từ ngày nhận văn bản hành chính, ngày 01/10/2024, bà Ú gửi đơn khởi kiện đến Tòa án, do đó, còn thời hiệu.

(được quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính).

[4] Xem xét trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành các quyết định; xem xét yêu cầu khởi kiện

Người khởi kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện đồng ý xác nhận Giấy chứng nhận cấp cho ông Hồng Quang T1, liên quan đến tranh chấp có diện tích 49,1m² hiện bà Ú đang quản lý được thể hiện tại “Sơ đồ vị trí khu đất ông Hồng Quang T1”, phần đất 49,1m² được ký hiệu tại các điểm M1M2M3M4 trên sơ đồ.

Quá trình giải quyết, Tổ công tác số 748 của UBND huyện U (cũ) ban hành Báo cáo số 01, bà Ú không đồng ý với nội dung Báo cáo nên tiếp tục yêu cầu; tại Công văn số 233, UBND huyện thống nhất theo nội dung Báo cáo số 01. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét các văn bản hành chính, quyết định hành chính có liên quan, bởi vì Báo cáo số 01, Công văn số 233 và Giấy chứng nhận cấp cho ông T1 có liên quan đến tranh chấp.

Báo cáo số 01 có nội dung: *“Đối với phần đất hiện nay nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Hồng Quang T1 mà ông Phạm Văn M và bà Khuru Hồng Ú đang sử dụng với diện tích 49,1m², yêu cầu ông Phạm Văn M và bà Khuru Hồng Ú trả lại cho ông Hồng Quang T1 sử dụng theo quy định của pháp luật”*.

Công văn số 233 có nội dung: Thống nhất theo nội dung Báo cáo số 01..., triển khai nội dung Báo cáo số 01 đến bà Khuru Hồng Ú biết và chấp hành theo quy định Luật đất đai.

Qua xem xét hồ sơ vụ án, thể hiện: Năm 2003 và 2004, ông Hồng Quang T1 được cấp hai Giấy chứng nhận với tổng diện tích 8.422,90m²; ngày 31/12/2010, UBND huyện ban hành Quyết định số 2679 về việc thanh tra tình hình xét cấp Giấy chứng nhận cho ông T1; ngày 04/12/2012, UBND huyện ban hành Quyết định số 1963 thu hồi hai Giấy chứng nhận đã cấp cho ông T1; ngày 15/7/2017, ông T1 được cấp lại Giấy chứng nhận diện tích 2.147,7m² tại thửa số 88, tờ bản đồ số 34 tọa lạc khóm C, thị trấn U.

Đối với bà Khuru Hồng Ú có một phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận giáp ranh với đất đang tranh chấp, phần đất 49,1m² một cạnh giáp đất bà Ú, một cạnh giáp đất ông T1; 49,1m² đất nguyên là một cái đìa, bà Ú quản lý, sử dụng từ năm khoảng 1998, bà Ú san lấp mặt bằng, xây cất chuồng trại để chăn nuôi và hiện tại trên đất vẫn có căn nhà tiền chế và một căn chòi; qua xem xét thực tế hiện trạng thì phần đất giáp với hàng rào của ông T1, vì trước đây ông T1 đã xây hàng rào để phân định ranh với đất bà Ú, ông T1 xác nhận 49,1m² bà Ú quản lý, sử dụng như bà Ú trình bày là đúng. Qua đó cho thấy bà Ú đã đầu tư, cải tạo và quản lý, sử dụng phần đất từ năm 1998 đến nay, còn ông T1 được cấp Giấy chứng nhận năm 2017 với diện tích, vị trí khác với Giấy chứng nhận cấp năm 2003 (đã bị thu hồi); đáng lẽ ra, về trình tự, thủ tục phải thực hiện theo quy định khi cấp Giấy chứng nhận cho ông T1 vào năm 2017, phải thực hiện theo quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Điều 11 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2015 quy định xác định ranh giới thửa đất. Ngoài ra, hồ sơ vụ án có sơ đồ thửa đất (sơ đồ này được thực hiện khi giải quyết khiếu nại của ông T1), thể hiện phần đất của ông T1 là hai cạnh thẳng từ tiền đến hậu, có một cạnh giáp đất tranh chấp (theo sơ đồ ghi nhận là đất bà Ú đang

sử dụng); đã qua, bà Ú quản lý, sử dụng đất, không tranh chấp với ai, bà Ú cải tạo đất, xây dựng nhà, chuồng trại chăn nuôi nhưng không bị ngăn cản, không bị cơ quan chức năng lập biên bản vi phạm hành chính.

Tại Điều 53 Luật đất đai năm 2013 về “Giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác” quy định: *Việc Nhà nước quyết định giao đất, cho thuê đất đối với đất đang có người sử dụng cho người khác chỉ được thực hiện sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định thu hồi đất theo quy định của Luật này và phải thực hiện xong việc bồi thường, hỗ trợ...*; Theo như Báo cáo số 01 có nội dung, phần đất hiện gia đình bà Ú sử dụng có diện tích 49,1m² nằm trong Giấy chứng nhận của ông T1, đề xuất kiến nghị bà Ú giao trả lại cho ông T1. Với nội dung phân tích trên, nhận thấy việc cấp Giấy chứng nhận cho ông T1 có phần đất bà Ú quản lý, sử dụng là chưa đảm bảo quy định pháp luật, Báo cáo số 01 căn cứ vào Giấy chứng nhận của ông T1 để làm căn cứ đề nghị bà Ú trả lại đất là chưa xem xét toàn diện, khách quan vụ việc; Công văn số 233 giữ nguyên nội dung Báo cáo số 01, là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Ú.

[6] Xem xét về việc hủy Giấy chứng nhận

Ông Hồng Quang T1 được cấp Giấy chứng nhận diện tích 2.147,7m² tại thửa số 88, tờ bản đồ số 34; ông T1 đã xây dựng hàng rào trên phần đất của ông, qua xem xét hiện trạng sử dụng đất, thì 49,1m² đất nằm ngoài hàng rào của ông T1. UBND huyện cấp Giấy chứng nhận cho ông T1 2.147,7m², có sai sót về diện tích 49,1m² và không ảnh hưởng đến diện tích đất còn lại, cho nên không cần thiết phải hủy toàn bộ Giấy chứng nhận mà chỉ hủy một phần liên quan đến diện tích 49,1m² là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính quy định Hội đồng xét xử có quyền: “Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật...” và phù hợp với mục 1 Phần IV Công văn số 196/TANDTC-PC ngày 03/10/2023 của TAND tối cao hướng dẫn, đó là Tòa án có quyền hủy một phần Giấy chứng nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử hủy một phần Giấy chứng nhận cấp cho ông T1 (ông T1 đã tặng cho Hồng Thị T2 ngày 29/6/2021, được chỉnh lý biến động trang 4) đối với diện tích 49,1m² ký hiệu tại các điểm M1M2M3M4 của “Sơ đồ vị trí khu đất ông Hồng Quang T1”.

Đối với Báo cáo số 01, tại mục 4.1 có nội dung đề xuất, kiến nghị trả lời đơn của ông Phạm Văn M, bà Khuru Hồng Ú trả đất lại cho ông T1, nên Hội đồng xét xử nhận thấy Báo cáo chỉ đề xuất, kiến nghị, nên không cần thiết phải hủy Báo cáo số 01.

[7] Từ nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Hồng Ú đúng như đề nghị của Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa.

[8] Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện được chấp nhận yêu cầu nên không chịu án phí sơ thẩm; tuy nhiên, bà Ú tự nguyện nộp án phí sơ thẩm, xét thấy sự tự nguyện này không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; người bị kiện không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 và điểm b, d khoản 2 Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính.

Điều 53 Luật đất đai 2013;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Khuru Hồng Ú:

- Hủy Công văn số: 233/UBND-NC ngày 15/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện U.

- Hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK175311, ngày 20/11/2017 của Ủy ban nhân dân huyện U cấp cho ông Hồng Quang T1 (ông T1 tặng cho bà Hồng Thị T2 ngày 29/6/2021 và được đăng ký biến động chính lý trang 4) đối với phần diện tích tích 49,1m² ký hiệu tại các điểm M1M2M3M4 của “Sơ đồ vị trí khu đất ông Hồng Quang T1” kèm theo Bản án.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Khuru Hồng Ú tự nguyện nộp 300.000 đồng, bà Ú đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0000006 ngày 11/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (nay Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau), được chuyển thu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hiền